TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/11/2019
V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc*"Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà A ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Hồng C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà B khóm NU, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn Hồ Thị L trình bày***:

Vào năm 1996, tôi và ông Huỳnh Hồng C tổ chức lễ cưới theo phong tục, sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian

đầu, cuộc sống chung giữa tôi và ông C hạnh phúc, có với nhau 02 con chung là cháu Huỳnh Long H, giới tính nam, sinh ngày 10/10/1997 và cháu Huỳnh Châu L, giới tính nam, sinh ngày 03/8/2001. Do ông C vô trách nhiệm với vợ con, tôi và ông C lại bất đồng quan điểm nên sống chung không còn hạnh phúc nữa. Chúng tôi đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Nay tôi yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết, tuyên bố quan hệ sống chung giữa tôi với ông Huỳnh Hồng C không phải là vợ chồng.

- *Về con chung:* Cháu Huỳnh Long H và cháu Huỳnh Châu L đều đã trưởng thành, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Ngoài ra, tôi không trình bày gì thêm và không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Hồng C trình bày***:

Tôi thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và vợ chung như lời trình bày của bà L. Tôi với bà L có tổ chức lễ cưới theo phong tục, sống chung với nhau như vợ chồng và đã có 02 con chung là cháu H và cháu L nhưng chúng tôi không có đăng ký kết hôn; về mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời bà L trình bày. Nay tôi đồng ý với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà L.

- *Về con chung:* Cháu Huỳnh Long H và cháu Huỳnh Châu L đều đã trưởng thành, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Ngoài ra, tôi không trình bày gì thêm và không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân phường K, thị xã V về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa ông Huỳnh Hồng C với bà Hồ Thị L thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 12/9/2019 (Bút lục số 21). Ủy ban nhân dân phường K khẳng định ông C và bà L không đăng ký kết hôn và không được Ủy ban nhân dân phường K cấp Giấy chứng nhận kết hôn; đồng thời, Ủy ban nhân dân phường K không rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp của ông C với bà L thế nào.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến***:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung và quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, có tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị L và ông Huỳnh Hồng C;

+ *Về con chung*: Đã trưởng thành, không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Tự thỏa thuận, đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Nguyên đơn Hồ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn với bị đơn Huỳnh Hồng C được quy định tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 , thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Huỳnh Hồng C cư trú tại khóm NU, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã V theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, cuộc

sống chung hạnh phúc nhưng do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, dần dần tình cảm phai nhạt nên không còn hạnh phúc nữa. Bà L và ông C đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2019 và cùng yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung của họ là vợ chồng. Áp dụng Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì bà L, ông C chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì giữa bà L và ông C không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung nhưng đều đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[5] *Về án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn Hồ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Về quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị L với ông Huỳnh Hồng C.

2. *Về con chung*: Không xem xét giải quyết;

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết;

4. *Về án phí*: Bà Hồ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008006 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TX. Vĩnh Châu;
- THADS TX. Vĩnh Châu;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thanh